

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Quân

Ông Nguyễn Đình Hoài

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Huyền Trang - Thư
ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị
Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh
Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 20/2018/TLST-DS
ngày 12/12/2018 về "Tranh chấp di sản thừa kế và Yêu cầu hủy quyết định cá
biệt" giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Thái Quang T, sinh năm 1957

Trú tại: Thôn 2, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Người bảo đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hậu Đ; trú tại: tổ 4, phường
B, thành phố H (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Thái Văn T1, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị Hòa L, sinh
năm 1972

Đều trú tại: Thôn 2, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (đều vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Thái Đăng N, sinh năm 1960; trú tại: Thôn 2, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Bà Thái Thị T2; trú tại: số nhà 02, tổ 9, phường T, TP H (vắng mặt)

- Bà Thái Thị N; trú tại: thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (có mặt)

- Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Vĩ T, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã S (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Thái Quang T và người đại diện theo ủy quyền của ông T thống nhất trình bày :

Bố mẹ của ông là cụ Thái Đăng C, sinh năm 1920, mất năm 1968 và cụ Võ Thị T, sinh năm 1930, mất năm 2012. Bố, mẹ ông sinh được 5 người con là: bà Thái Thị N, ông Thái Quang T, ông Thái Đăng N, bà Thái Thị T2 và ông Thái Văn T1. Khi còn sống cụ Thái Đăng C và cụ Võ Thị T có tạo lập được mảnh đất có diện tích $1.364m^2$, tờ bản đồ số 4, bản đồ 299 (nay là thửa số 54, tờ bản đồ 16, diện tích $1.521,4m^2$) tại xã S, huyện H, Hà Tĩnh mang tên cụ Võ Thị T. Hiện nay, trên diện tích đất bố mẹ để lại, ông Thái Văn T đã làm nhà ở một phần. Riêng phần chính giữa thì năm 1985, ông Thái Quang T có mua ba gian nhà gỗ về xây dựng để cho cụ Võ Thị T sử dụng. Trước khi mất, cụ T có để lại lời căn dặn bằng chúc thư cho các con, nội dung chia phần đất đứng tên của cụ thành ba phần cho ba người con trai là Thái Văn T, Thái Quang T và Thái Đăng N. Sau khi cụ T chết, bà Thái Thị N đã đọc chúc thư của cụ T để lại nhưng ông Thái Văn T1 phản đối cho rằng đất của mẹ để lại đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ đứng tên ông T1 từ lâu nên ông không đồng ý chia đất. Theo ông T trình bày ngày 22/11/2013, khi có chủ trương cấp đổi GCNQSDĐ đất cho vợ chồng ông T1 thì ông T đã trình báo sự việc lên UBND xã S, nhưng UBND xã không giải quyết mà vẫn lập hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ cho gia đình ông Thái Văn T1 và bà Phạm Thị Hoa L. Ngày 24/7/2015, UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 3939/QĐ-UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 279949 cho ông Thái Văn T1 và bà Phạm Thị Hòa L với diện tích $1.521,4m^2$ trong đó có $300m^2$ đất ở và $1.221,4m^2$ đất trồng cây lâu năm. Ông Thái Quang T

cho rằng việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Thái Văn T1 là trái pháp luật và yêu cầu Tòa án:

- Tuyên hủy một phần quyết định liên quan đến việc cấp Giấy CNQSD đất số M388524 ngày 28/9/1998 mang tên ông Thái Văn T1; Hủy quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND huyện H về việc cấp GCNQSD đất số BY 279949 mang tên ông Thái Văn T và bà Phạm Thị Hòa L.

- Phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản thừa kế của bố mẹ để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 4, bản đồ 299 tại xã Sơn Long, huyện H mang tên bà Võ Thị T.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2018 và biên bản hòa giải, bị đơn ông Thái Văn T1 trình bày :

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, vào thời điểm năm 1998, các anh chị của ông đã có gia đình và ở riêng, chỉ có một mình ông chưa lập gia đình sống cùng với mẹ nên tất cả anh chị em và cụ T đã họp và thống nhất giao toàn bộ diện tích đất của bố mẹ cho ông đứng tên. Việc họp gia đình là có thật nhưng ông không nhớ họp ngày tháng năm nào và khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ mọi người đều biết. Năm 2015 ông làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông là Thái Văn T và bà Phạm Thị Hòa L. Nay ông Thái Quang T khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa số 54, tờ bản đồ 16, diện tích 1.521,4m² mang tên vợ chồng ông thì ông không đồng ý. Vì theo ông toàn bộ diện tích đất đã mang tên ông từ năm 1998 cho đến năm 2012 khi mẹ ông mất cũng không ai có ý kiến hay khiếu kiện gì. Do đó ông yêu cầu tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Thái Quang T.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2019, bị đơn bà Phạm Thị Hòa L trình bày :
Nguồn gốc thửa đất trước năm 1998 mang tên cụ Võ Thị T, trước năm 1997 cụ T nợ tiền Hợp tác xã nên HTX cầm bìa đất của cụ, sau đó vợ chồng bà L đã trả nợ cho cụ và cầm sổ về. Cụ Võ Thị T đã họp gia đình và sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà. Từ năm 1997 đến năm 2012 mẹ bà còn sống không có tranh chấp. Mẹ mất được vài năm thì ông Thái Quang T vào đòi tranh chấp đòi chia vườn vợ chồng bà không đồng ý. Khi họp gia đình có văn bản do ông Thái Đăng N cầm và đi đóng dấu ủy ban nhưng sau đó do lộn lộn năm 2000 nên mất giấy. Nay ông T khởi kiện bà không đồng ý và tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm :

- Ông Thái Đăng N, bà Thái Thị N, bà Thái Thị T2 cũng xác nhận thừa đất số 54, tờ bản đồ 16, diện tích 1.521,4m² là của ông Thái Đăng C và bà Võ Thị T để lại và chưa thực hiện việc phân chia di sản. Nay ông Thái Quang T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Thái Văn T1. Tuy nhiên xét về điều kiện hoàn cảnh thì các ông bà đã có nơi ở ổn định và không có nhu cầu sử dụng đất. Do đó ông Thái Đăng Nt, bà Thái Thị N, bà Thái Thị T2 đều có đơn từ chối nhận di sản thừa kế và không có yêu cầu gì thêm.

- Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã S trình bày: Năm 1998 khi cấp GCNQSD đất cho người dân địa phương, vợ chồng ông T1 đang sống chung với cụ Võ Thị T. Khi lập hồ sơ, gia đình cụ T đã thống nhất giao cho ông T1 được quyền sử dụng đất nên UBND xã lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất cho ông T1. Ngày 28/9/1998, UBND huyện cấp giấy CNQSD đất số: M 388524 diện tích 3972m² trong đó có 300m² đất ở và 1.044m² đất thuộc thửa 638 tờ bản đồ số 4, trình tự cấp GCNQSD đất được thực hiện theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Ngày 24/7/2015 UBND huyện H đã có Quyết định cấp đổi GCNQSDĐ cho gia đình ông Thái Văn T1 và bà Phạm Thị Hoa L thừa đất 54, tờ bản đồ 16 bản đồ kỹ thuật số đo vẽ năm 2013 diện tích 1.521m² trong đó có 300m² đất ở và 1.221m² đất vườn. Hồ sơ lưu tại xã có Bản đồ 299, sổ mục kê ruộng đất ghi thửa 638 tên chủ sử dụng là Võ Thị T loại đất thổ cư. Sổ đề nghị cấp GCNQSD Đ; bản đồ địa chính sau cấp Giấy chứng nhận, sổ địa chính, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng hồ sơ cấp đất cho hộ gia đình ông Thái Văn T1 từ năm 1998 đến nay lưu tại xã là không có. Đại diện UBND xã S đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H trình bày: Về nguồn gốc đất các bên đang tranh chấp thì tại sổ mục kê ruộng đất lập năm 1984, thửa đất số 638 tờ bản đồ số 4 ghi tên chủ sử dụng đất Võ Thị T diện tích 1.344m². Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Thái Văn T không có giấy tờ gì liên quan đến việc hộ ông Thái Văn T nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế từ cụ Võ Thị T. Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Thái Văn T và bà Phạm Thị Hòa L không đảm bảo quy định pháp luật. Do đó UBND huyện H đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông T và bà L.

Ngày 25/7/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thái Quang T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể :

- Yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh hủy quyết định hành chính số 3993/QĐ-

UBND ngày 24/7/2015 của UBND huyện H về việc cấp giấy CNQSD đất số BY 279949 cho ông Thái Văn T1 và bà Phạm Thị Hòa L ; Hủy một phần quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 28/9/1998 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án giao đất ổn định lâu dài và cấp giấy CNQSD đất hộ nông dân, trong đó có việc cấp giấy CNQSD đất số M388524 ngày 28/9/1998 đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.344m² mang tên ông Thái Văn T1.

- Rút yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản thừa kế do cụ Thái Đăng C và cụ Võ Thị T để lại gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 638, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.344m² tại thôn 2, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn; Hủy một phần quyết định liên quan đến việc cấp Giấy CNQSD đất số M388524 do UBND huyện Hương Sơn cấp ngày 28/9/1998 cho ông Thái Văn T; Hủy quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 về cấp giấy CNQSD đất và Giấy CNQSD đất số BY 279949 của UBND huyện H cấp cho ông Thái Văn T và bà Phạm Thị Hòa L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được thẩm tra; kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là yêu cầu hủy quyết định cá biệt và chia di sản thừa kế. Căn cứ điều 34 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy quyết định cá biệt liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- *Xét nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp*: Nguyên đơn cho rằng thửa đất hiện đang tranh chấp là di sản thừa kế do bố mẹ ông là cụ Thái Đăng C và cụ Võ Thị T để lại và chưa cho ai. Căn cứ các tài liệu do UBND huyện H cung cấp gồm sổ địa chính lập năm 1984 đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.344m² tên chủ sử dụng thửa đất là cụ Võ Thị T với diện tích 1.364m² thì đây

được xem là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác bị đơn ông Thái Văn T1, bà Phạm Thị Hoa L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Thái Đăng N, bà Thái Thị T, bà Thái Thị N cũng thừa nhận nguồn gốc thửa đất là của cụ Võ Thị T để lại. Tuy nhiên các ông T1, bà L cho rằng đất đã được cụ Võ Thị T và các con giao cho cho ông Thái Văn T1 được quyền sử dụng. Như vậy xét về nguồn gốc đất đã được các bên thừa nhận nên đây tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

- *Xét trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn T1 và bà Phạm Thị Hòa L:* Việc ông Thái Văn T được UBND huyện H cấp giấy CNQSD đất số M388524 ngày 28/9/1998 được thực hiện theo Nghị định 64/1993 của Chính phủ và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ từ các đương sự cũng như việc xác minh hồ sơ lưu tại UBND xã, huyện thì không có bất cứ một văn bản nào thể hiện việc cụ Võ Thị Thanh và các con đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông Thái Đăng T1 và bà Phạm Thị Hoa L. Hơn nữa trước khi chết cụ T để lại chúc thư chia thửa đất thành ba phần cho ba người con, tuy chúc thư này chưa đảm bảo quy định pháp luật nhưng được các đương sự thừa nhận là bút tích của cụ T để lại thể hiện đúng ý chí của cụ trước khi chết. Bị đơn ông Thái Văn T1, bà Phạm Thị Hòa L cho rằng năm 1998, khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ gia đình đã họp đồng ý cho ông Thái Văn T1 đứng tên QSD đất đối với thửa đất này nhưng bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, nguyên đơn ông Thái Quang T không thừa nhận ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thái Đăng N, bà Thái Thị N và bà Thái Thị T cũng không đồng ý với ý kiến của phía bị đơn đưa ra.

Như vậy, xét tài sản là QSDĐ đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.344m² (nay là thửa số 54, tờ bản đồ 16, diện tích 1.521,4m²) mà các bên đang tranh chấp là của cụ Võ Thị T để lại chưa sang tên cho bất cứ ai trong gia đình. Hơn nữa, do chúc thư ngày 30/7/2002 (BL 31a) mà cụ T để lại không tuân thủ quy định của pháp luật nên không có giá trị pháp lý để xem xét thực hiện. Vì vậy, đây là di sản thừa kế chưa cho ai, các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C, cụ T được xác định gồm các ông bà Thái Thị N, Thái Quang T Thái Đăng N, Thái Thị T, Thái Văn T.

Đại diện UBND xã S cho rằng năm 1998 khi cấp GCNQSDĐ cho ông Thái Đăng T gia đình cụ T đã thống nhất cho ông T đứng tên quyền sử dụng đất nhưng UBND xã S cũng không xuất trình được các tài liệu chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận quan điểm này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện UBND huyện H cũng khẳng định qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.344m² (nay là thửa số 54, tờ bản đồ 16, diện tích 1.521,4m²) mang tên ông T, bà L thì không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện thửa đất này ông Thái Văn T, bà Phạm Thị Hòa L nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế từ cụ Võ Thị T. Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Thái Văn T và bà Phạm Thị Hòa L không đảm bảo quy định pháp luật nên UBND huyện H đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông T và bà L. Hơn nữa, cơ sở pháp lý để được cấp GCNQSD đất trong trường hợp này là đất có phải nguồn gốc và đã được đăng ký vào sổ địa chính, hồ sơ địa chính, được thể hiện đầy đủ trên bản đồ địa chính. Tuy nhiên hồ sơ để cấp GCNQSD đất cho ông Thái Văn T do UBND xã S và UBND huyện H cung cấp thì không có hồ sơ địa chính, không có bản đồ địa chính và tờ khai đăng ký của ông Thái Văn T1.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 3, mục 1.2.3, điểm 1.2 phần 2 Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn về thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xét thấy việc lập hồ sơ cũng như trình tự xét để cấp giấy CNQSDĐ cho ông Thái Văn T1 và việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn T1 và bà Phạm Thị Hòa L của UBND huyện H là trái quy định pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện H cấp cho ông Thái Văn T năm 1998 và cấp đổi lại GCNQSD đất cho ông T và bà L năm 2015 là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự hủy một phần Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 28/9/1998 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án giao đất ổn định lâu dài và cấp giấy CNQSD đất hộ nông dân, trong đó có liên quan đến việc cấp giấy CNQSD đất số M388524 ngày 28/9/1998 của UBND huyện H cho ông Thái Văn T1; Hủy Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND huyện H về cấp đổi giấy CNQSD đất và Giấy CNQSD đất số BY 279949 cho ông Thái Văn T1 và bà Phạm Thị Hòa L đối với thửa số 54, tờ bản đồ 16, diện tích 1.521,4m² tại thôn 2, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

[2.2] Đối với yêu cầu phân chia di sản thừa kế: Xác định di sản thừa kế là thửa đất số 638, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.344m² tại thôn 2, xã S, huyện H do cụ Thái Đăng C và cụ Võ Thị T để lại nhưng không có di chúc. Các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C, cụ T gồm các ông, bà Thái Thị N, Thái Quang T, Thái Đăng N, Thái Thị T2, Thái Văn T1. Tuy nhiên, ngày 25/7/2019, người đại diện theo ủy quyền của ông Thái Quang T đã có văn bản xin rút yêu

cầu chia di sản thừa kế và tại phiên tòa ông Thái Quang T cũng đồng ý với việc rút phần yêu cầu này. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó, cần áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Thái Quang T.

3. Về án phí: Do yêu cầu hủy quyết định cá biệt của nguyên đơn được chấp nhận nên UBND huyện H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 34, 147, 244 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 106 Luật đất đai 2013; khoản 3, mục 1.2.3, điểm 1.2 phần 2 Thông tư 346/1998/TT-TCDC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn về thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Quang T:

- Hủy một phần Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 28/9/1998 và một phần giấy CNQSD đất số M388524 ngày 28/9/1998 do UBND huyện H cấp cho ông Thái Văn T1.

- Hủy Quyết định cấp đổi giấy CNQSD đất số 3939/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 và giấy CNQSD đất số BY 279949 của UBND huyện H cấp cho ông Thái Văn T1 và bà Phạm Thị Hòa L đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.521,4m² tại thôn 2, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đình chỉ yêu cầu về chia di sản thừa kế của ông Thái Quang T.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cục thi hành án DS tỉnh;
- Các đương sự; Người đại diện của DS;
- Lưu HSVA, VT.

Bùi Đình Thông

